

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước số 35/2009/QH12 ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH 11 ngày 16/2/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/03/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 93/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp.

Bộ trưởng Bộ Tài chính - Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Thông tư liên tịch quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí từ ngân sách nhà nước thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước như sau:

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

1. Thông tư này quy định các nội dung sau:

a) Lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí bồi thường từ ngân sách nhà nước để thực hiện trách nhiệm bồi thường nhà nước đối với cá nhân, tổ chức bị thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra trong hoạt động quản lý hành

chính, tổ tụng, thi hành án (sau đây gọi tắt là kinh phí bồi thường); chi phí thực hiện việc giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường; thu nộp tiền hoàn trả của người thi hành công vụ gây ra thiệt hại.

b) Lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường.

2. Việc xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại, các loại thiệt hại được bồi thường, xác định số tiền hoàn trả, thủ tục bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, thi hành án dân sự, thi hành án hình sự, tổ tụng dân sự, tổ tụng hình sự, tổ tụng hành chính được thực hiện theo quy định tại các văn bản pháp luật hướng dẫn thực hiện trách nhiệm bồi thường nhà nước trong các hoạt động đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng, thi hành án; người thi hành công vụ đã gây ra thiệt hại có trách nhiệm bồi thường thiệt hại và hoàn trả tiền bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

2. Tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hoạt động của cơ quan, người thi hành công vụ gây ra được bồi thường theo quy định tại Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường theo quy định tại Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí bồi thường:

a) Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí bồi thường đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương (sau đây gọi tắt là cơ quan Trung ương);

b) Ngân sách địa phương bảo đảm kinh phí bồi thường đối với cơ quan có trách nhiệm bồi thường là các Sở, ban, ngành địa phương (sau đây gọi tắt là cơ quan địa phương).

2. Kinh phí thực hiện việc giải quyết bồi thường của cơ quan có trách nhiệm bồi thường được sử dụng trong dự toán chi quản lý hành chính của cơ quan có trách nhiệm bồi thường.

3. Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về bồi thường.

Chương 2

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

KINH PHÍ BỒI THƯỜNG VÀ CHI TRẢ TIỀN BỒI THƯỜNG

Điều 4. Lập dự toán, phân bổ kinh phí bồi thường

1. Hàng năm, căn cứ thực tế bồi thường năm trước, Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ, ngành trung ương lập dự toán, tổng hợp dự toán kinh phí bồi thường của cơ quan trung ương trình Chính phủ, trình Quốc hội xem xét quyết định trong dự toán ngân sách trung ương; Sở Tài chính phối hợp với Sở, ban, ngành địa phương lập dự toán kinh phí bồi thường và tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định.

2. Kinh phí bồi thường chỉ được phân bổ cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường khi có yêu cầu chi trả tiền bồi thường hợp lệ.

Điều 5. Sử dụng kinh phí bồi thường

1. Khi phát sinh yêu cầu chi trả tiền bồi thường theo bản án, quyết định giải quyết bồi thường của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan có trách nhiệm bồi thường chủ động rút dự toán chi quản lý hành chính được cấp có thẩm quyền giao (nếu còn) để ứng chi trả cho người bị thiệt hại. Trên cơ sở kinh phí đã chi trả cho người bị thiệt hại, cơ quan có trách nhiệm bồi thường tổng hợp, báo cáo cơ quan tài chính bổ sung kinh phí bồi thường để hoàn trả kinh phí đã ứng trả cho người bị thiệt hại.

2. Trường hợp khi phát sinh yêu cầu chi trả bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường không còn đủ dự toán để ứng trả cho người bị thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều này thì lập hồ sơ đề nghị cấp kinh phí bồi thường, gửi cơ quan có thẩm quyền theo quy định để chi trả cho người bị thiệt hại.

Điều 6. Thủ tục bổ sung, cấp kinh phí bồi thường

1. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã ứng dự toán để chi trả cho người bị thiệt hại:

Trong trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường đã ứng kinh phí để chi trả bồi thường cho người bị thiệt hại, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc bồi thường theo quy định tại bản án, quyết định giải quyết bồi thường, cơ quan có trách nhiệm bồi thường tập hợp các hồ sơ liên quan gửi cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để thẩm định, bổ sung kinh phí. Thời gian thẩm định cấp bổ sung kinh phí theo quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 3 Điều này. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường có cơ quan quản lý cấp trên thì gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý cấp trên để thẩm định gửi cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí xem xét bổ sung kinh phí. Thời gian thẩm định và bổ sung kinh phí bồi thường theo quy định tại điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường không ứng dự toán để ứng trả cho người bị thiệt hại.

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án, quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật, cơ quan có trách nhiệm bồi thường phải lập hồ sơ đề nghị bồi thường gửi cơ quan tài chính có trách nhiệm đảm bảo kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để xem xét cấp bổ sung kinh phí bồi thường. Trường hợp cơ quan có trách nhiệm bồi thường có cơ quan quản lý cấp trên thì phải gửi hồ sơ đến cơ quan quản lý cấp trên để thẩm định.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan nhận được hồ sơ có trách nhiệm thẩm định, kiểm tra tính chính xác, đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ đề nghị bồi thường, thẩm định kinh phí bồi thường để có văn bản gửi cơ quan tài chính cùng cấp có trách nhiệm bảo đảm kinh phí để xem xét cấp bổ sung kinh phí bồi thường.

c) Hồ sơ đề nghị bồi thường thực hiện theo quy định tại Điều 54 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan nhận được hồ sơ hướng dẫn cơ quan có trách nhiệm bồi thường bổ sung hồ sơ hoặc sửa đổi, bổ sung quyết định giải quyết bồi thường cho phù hợp. Thời hạn bổ sung hồ sơ không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của cơ quan quản lý cấp trên.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị bồi thường hợp lệ, cơ quan tài chính có trách nhiệm bảo đảm kinh phí (Bộ Tài chính đối với cơ quan trung ương có trách nhiệm bồi thường hoặc Sở Tài chính đối với cơ quan địa phương có trách nhiệm bồi thường) có trách nhiệm cấp bổ sung kinh phí cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường để chi trả cho người bị thiệt hại. Trường hợp đối với những vụ việc phức tạp, có số tiền lớn cần phải kiểm tra xem xét, cơ quan tài chính trao đổi với cơ quan quản lý nhà nước về bồi